



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Ngày/ Date:

Số/ N^o: **A1028102341**

Trang/ Page: 1/3



1. Phương tiện đo/ Object: **BỘ GHI NHIỆT ĐỘ 30 KÊNH/ MEMORY HILOGGER**

2. Hãng sản xuất/ Manufacturer: **HIOKI**

3. Kiểu/ Model: **LR8402-20**

4. Số hiệu/ SN: **180941004**

5. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification:

+ Loại nhiệt kế/ Type: **Nhiệt kế chỉ thị và tự ghi nhiệt độ**

+ Khoảng nhiệt độ/ Temp. range: **-200 ÷ 1372°C**

+ Độ phân giải/ Resolution: **0,01; 0,05°C**

6. Khách hàng/ Customer: **CÔNG TY TNHH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM**

7. Địa chỉ/ Address: **Tầng 4, 130 Nguyễn Đức Cảnh, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội**

8. Nơi hiệu chuẩn/ Place of calibration: **Phòng hiệu chuẩn 1**

9. Địa chỉ/ Address: **Tầng 4, 130 Nguyễn Đức Cảnh, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội**

10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Procedure of calibration: **A10-09 - Quy trình hiệu chuẩn nhiệt kế chỉ thị hiện số và tương tự**

11. Chuẩn sử dụng/ Standards Used:

Chuẩn/ Standards	Mã nhận dạng/ ID	Liên kết chuẩn/ Traceable to	Hiệu lực đến/ Due date
Nhiệt ẩm kế / Thermo-Hyrometer	TB-106	AoV	08/2021
Nhiệt kế PRT chuẩn / Standard Platinum Resistance Thermometers	TB-63	VMI	07/2022
Lò Nhiệt Chuẩn / Field Metrology Well	TB-64	QUATEST3	07/2021

12. Môi trường hiệu chuẩn/ calibration environment:

Nhiệt độ/ Temperature: **[25,2 ÷ 25,6] °C**

Độ ẩm/ Humidity: **[56 ÷ 60] %RH**

13. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration: **01/03/2021**

14. Ngày hiệu chuẩn tiếp theo/ Recommended date of next calibration: **01/03/2022**

15. Tem hiệu chuẩn/ calibration label: **A341**

A O V

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây.
The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
- Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.
This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.
- Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
Name of customer is written as customer's request.

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Ngày/ Date:

Số/ N^o: A1028102341

Trang/ Page: 2/3



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
RESULTS OF CALIBRATION

TB-341-B8				
Điểm hiệu chuẩn, °C/ Calibration point, °C	Giá trị chuẩn, °C/ Reference value, °C	Giá trị chỉ thị, °C/ Indication value, °C	Sai số, °C/ Error, °C	U ⁽¹⁾ , °C/ Uncertainty, °C
300°C	300,006	299,28	-0,726	0,25
350°C	350,001	349,29	-0,711	0,25
400°C	399,972	399,41	-0,562	0,25
450°C	450,019	449,53	-0,489	0,45
500°C	500,001	499,62	-0,381	0,45
550°C	549,998	549,5	-0,498	0,45
600°C	600,021	599,4	-0,621	0,45
650°C	650,015	649,3	-0,715	0,45

TB-341-B9				
Điểm hiệu chuẩn, °C/ Calibration point, °C	Giá trị chuẩn, °C/ Reference value, °C	Giá trị chỉ thị, °C/ Indication value, °C	Sai số, °C/ Error, °C	U ⁽¹⁾ , °C/ Uncertainty, °C
300°C	300,006	299,03	-0,976	0,25
350°C	350,001	349,02	-0,981	0,25
400°C	399,972	399,08	-0,892	0,25
450°C	450,019	449,17	-0,849	0,45
500°C	500,001	499,21	-0,791	0,45
550°C	549,998	549,1	-0,898	0,45
600°C	600,021	598,9	-1,121	0,45
650°C	650,015	648,7	-1,315	0,45

TB-341-B10				
Điểm hiệu chuẩn, °C/ Calibration point, °C	Giá trị chuẩn, °C/ Reference value, °C	Giá trị chỉ thị, °C/ Indication value, °C	Sai số, °C/ Error, °C	U ⁽¹⁾ , °C/ Uncertainty, °C
300°C	300,006	299,07	-0,936	0,25
350°C	350,001	349,08	-0,921	0,25
400°C	399,972	399,23	-0,742	0,25
450°C	450,019	449,42	-0,599	0,45
500°C	500,001	499,50	-0,501	0,45
550°C	549,998	549,4	-0,598	0,45
600°C	600,021	599,2	-0,821	0,45

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây.
The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
- Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.
This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.
- Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
Name of customer is written as customer's request.



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Ngày/ Date:

Số/ N^o: A1028102341

Trang/ Page: 3/3



650°C	650,015	649,1	-0,915	0,45
-------	---------	-------	--------	------

⁽¹⁾: Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số mở rộng $k = 2$, mức tin cậy $P = 0,95$ /
Expanded uncertainty of measurement is stated as standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k=2$, which for a normal distribution corresponds to a probability of approximately 95%.

--- Hết/ End ---



AoV

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây.
The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
2. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.
This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.
3. Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
Name of customer is written as customer's request.